TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 187/2018/HNGĐ-ST Ngày: 29/6/2018 V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sáu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2018, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình G kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/3/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, to tiếng. Từ tháng 10/2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đình Hải L, sinh ngày 28/6/2009 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 06/5/2012. Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu Nguyễn Đình Hải L và Nguyễn Đình C, chị L không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Đình G đến Tòa án để nhận thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh G không đến, ông Nguyễn Đình L – bố đẻ anh Nguyễn Đình G đến Tòa án báo cáo gia đình có nhận được giấy triệu tập anh G của Tòa án, nhưng anh G đã đi làm ăn xa từ giữa tháng 3/2018, không có mặt ở nhà, thi thoảng anh G có gọi điện về cho gia đình, gia đình cũng đã thông báo cho anh G biết việc Tòa án triệu tập nhưng anh G không về, cũng không cho gia đình biết hiện đang làm gì, ở đâu. Anh G có nhờ ông L nhận hộ Thông báo thụ lý vụ án cũng như các giấy tờ, tài liệu khác của Tòa án, tôi sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho anh G có giấy tờ, tài liệu trên.

Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2018 và bản tự khai ngày 17/5/2018, ông Nguyễn Đình L trình bày: Anh G và chị L kết hôn là tự nguyện, quá trình vợ chồng chung sống ông L không thấy anh G, chị L có mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng một năm, vợ chồng anh G và chị L sang thôn L, xã M, huyện HL sinh sống để tiện việc làm ăn. Không biết vì lý do gì mà cách đây khoảng nửa năm vợ chồng có cãi nhau, anh G bỏ về xã HL ở. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không qua lại, quan tâm nhau. Chị L làm đơn xin ly hôn anh G, ông L đã nhận thay anh G Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu giấy tờ khác của Tòa án, ông đã thông báo cho anh G biết nội dung các giấy tờ, tài liệu mình đã nhận. Nhận thấy vợ chồng chị L, anh G đã mâu thuẫn trầm trọng nên ông L đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị L được ly hôn anh G để đảm bảo quyền lợi cho chị. Khi có kết quả giải quyết thì gia đình ông sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho anh G được biết.

Cũng tại biên bản làm việc ngày 17/5/2018, đại diện UBND xã H, huyện H xác nhận: Từ cuối tháng 3/2018, anh G đã đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho chính quyền biết đi đâu, làm gì, cũng không khai báo tạm vắng, tạm trú.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vẫn giữa nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Đình G và xin được nuôi cả hai con là cháu Nguyễn Đình Hải L và Nguyễn Đình C, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình G; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao hai cháu Nguyễn Đình Hải L, sinh ngày 28/6/2009 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 06/5/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Đề nghị HĐXX Chấp nhận đề nghị của chị L không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đình G và xin được nuôi cả hai con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS 2015 xác định chị L là nguyên đơn, anh G là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh G có địa chỉ tại thôn 6, xã HL, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh G và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Đình G đến Tòa án làm việc, nhưng anh G không đến, gia đình anh G đã nhận thay anh G Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo cho anh G biết, nhưng anh G vẫn cố tình vắng mặt và không cho gia đình biết địa chỉ của mình thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Đình G đến tham gia phiên tòa, anh G vắng mặt lần thứ nhất không có lý do – Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa đến anh G, nhưng anh G vẫn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình G xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường to tiếng, cãi vã. Từ tháng 10/2017 anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh G không đến Tòa án làm việc việc mà bỏ đi làm ăn xa, Tòa án không thu thập được lời khai của anh G. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình G.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình G có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Hải L, sinh ngày 28/6/2009 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 06/5/2012. Chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu Long và cháu Cường, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh G đi làm ăn xa, giấu địa chỉ không cho gia đình biết đang làm gì, ở đâu. Hiện tại hai cháu Nguyễn Đình Hải L và cháu Nguyễn Đình C đang ở với mẹ, nên nguyện vọng nuôi con của chị L cũng xuất phát từ lợi ích, tình cảm đối với con. Quá trình giải quyết vụ án anh G không hợp tác, không thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Vì vậy căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai cháu Nguyễn Đình Hải L và cháu Nguyễn Đình C cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận đề nghị của chị L không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[2.3] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, 3Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình G.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đình Hải L, sinh ngày 28/6/2009 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Đình G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2017/0002555 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Sáu